

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày: 05/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Phương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùi Văn Huân và bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, Kiểm Sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 20/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: T, TT Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H – Luật sư thuộc Công ty L1. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vi Thị Thu H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản M, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1964, Địa chỉ: T, T1, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, các tài liệu chứng cứ có trong vụ án và lời khai của các đương sự trình bày tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9 năm 2020, bà **Vì Thị Thu H1** có vay 02 khoản tiền, tổng là 1.000.000.000đ của bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Công T**. Cụ thể thỏa thuận vay tiền như sau:

Ngày 28/9/2020, bà **Nguyễn Thị L** có cho bà **V Thị Thu H1** vay khoản tiền là 430.000.000đ. Theo giấy vay tiền đề ngày 28/9/2020, các bên thỏa thuận số tiền vay là 430.000.000đ, lãi xuất vay là 1%/tháng, hạn vay là 20/11/2020.

Ngày 04/9/2020, bà **Nguyễn Thị L** có cho bà **V Thị Thu H1** vay khoản tiền là 1.361.000.000đ. Theo giấy vay tiền đề ngày 04/9/2020, các bên thỏa thuận số tiền vay là 1.361.000.000đ, lãi xuất vay là 1%/tháng, hạn vay là 04/11/2020. Tuy nhiên, do khoản vay này bà **Nguyễn Thị L** có hành vi vi phạm pháp luật, đã bị kết án về tội cho vay nặng lãi. Theo đó, tại Bản án số 152/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xác định theo giấy vay tiền này thì bà **Nguyễn Thị L** có cho bà **V Thị Thu H1** vay số tiền là 570.000.000đ. Cùng với lời khai của các bên khẳng định bà **Nguyễn Thị L** có cho bà **V Thị Thu H1** vay số tiền là 570.000.000đ.

Theo đơn khởi kiện bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu bà **V Thị Thu H1** thanh toán cho mình khoản tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, tại phiên hòa giải, bà **Nguyễn Thị L** bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà **V Thị Thu H1** phải thanh toán cho mình khoản tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo 2 hợp đồng đến thời điểm xét xử.

Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, buộc bà **V Thị Thu H1** phải Thanh toán cho mình khoản tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và yêu cầu tính lãi xuất là 1%/tháng đối với hai khoản vay trên đến thời điểm xét xử.

Ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Bị đơn nhất trí với phần trình bày của Nguyên đơn về 02 khoản vay trên, cũng như cách tính tiền lãi của nguyên đơn. Do khoản tiền trên bị đơn vay về để đầu tư làm ăn riêng, không liên quan gì đến anh **V Văn R** (Chồng của bà **Vì Thị Thu H1**). Do làm ăn bị thua lỗ nên chưa có điều kiện để hoàn trả lại số tiền cho bà **L** và ông **T**. Bà **H1** xin được trả dần khoản vay trên cho bà **L** và ông **T** theo thu nhập hàng tháng của mình.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Công T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Công T, ông khai khoản tiền bà Nguyễn Thị L cho bà V Thị Thu H1 vay là tiền chung của vợ chồng ông. Việc bà L cho bà H1 vay nặng lãi ông không biết và không liên quan gì. Ông xác định khoản tiền bà L cho bà H1 vay tổng cộng là 1.000.000.000đ. Nay ông có ý kiến là buộc bà V Thị Thu H1 phải thanh toán cho vợ chồng ông khoản tiền trên và lãi theo hợp đồng. Ngoài ra, theo đơn xin xét xử vắng mặt, ông T có nêu: “lời khai và ý kiến của mình cũng là lời khai và ý kiến của bà L”.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đưa ra quan điểm về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bà V Thị Thu H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Công T số tiền còn nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi đến thời điểm xét xử ngày 05/4/2024 là:

+ Đối với khoản tiền 570.000.000 đồng vay ngày 04/9/2020: Tiền lãi là 245.490.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền 430.000.000 đồng vay ngày 28/9/2020: Tiền lãi là 181.801.000 đồng.

Tổng số tiền V Thị Thu H1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Công T là 1.427.291.000 đồng.

- Về án phí:

+ Buộc bà V Thị Thu H1 phải chịu 54.818.700 đồng án phí DSST có giá ngạch.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện V theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001006 quyền số 21 ngày 23/11/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà V Thị Thu H1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn V Thị Thu H1 có địa chỉ tại bản M, xã C, huyện V. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà V Thị Thu H1 phải thanh toán cho mình khoản nợ gốc là 1.000.000.000đ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bà V Thị Thu H1 phải thanh toán cho mình nợ gốc và lãi xuất của 2 khoản vay 430.000.000đ và 570.000.000đ kèm lãi phát sinh theo 2 hợp đồng vay. HĐXX nhận thấy yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện về phần lãi xuất của bà Nguyễn Thị L không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nên được HĐXX chấp nhận xem xét yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xác định vào khoảng tháng 9/2020 bà Nguyễn Thị L, ông Đinh Công T có cho bà V Thị Thu H1 vay 02 khoản tiền, theo các giấy vay tiền, các bên đều có thỏa thuận về lãi xuất và hạn vay. Tổng cộng hai khoản vay là 1.000.000.000đ. Các bên đều thống nhất được với nhau về tổng số tiền vay, lãi xuất, cách tính lãi xuất. Tuy nhiên, không thống nhất được với nhau về phương thức thanh toán.

Xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công T là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Buộc bà V Thị Thu H1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Công T tổng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và lãi suất đối với khoản vay 430.000.000đ là 1%/tháng tính từ 28/9/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là $430.000.000đ * 12\% / 365 * 1286 \text{ ngày} = 181.801.000đ$. Lãi đối lãi với khoản vay 570.000.000đ là 1%/tháng tính từ 04/9/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là $570.000.000đ * 12\% / 365 * 1310 \text{ ngày} = 245.490.000đ$. Tổng cả gốc và lãi là:

430.000.000đ+570.000.000đ+181.801.000đ+245.490.000đ= 1.427.291.000đ.

Đối với lời khai của bà **Vì Thị Thu H1**: Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ trên cho bà **Nguyễn Thị L** bà **Vì Thị Thu H1** đã thanh toán được cho bà **L** 10.000.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ đã yêu cầu bà **H1** cung cấp cho Tòa án những tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản tiền trên, nhưng đến thời điểm xét xử bà **H1** vẫn không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài chứng cứ buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản tiền gốc và lãi như đã tính ở trên.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được HĐXX chấp nhận do đó bà **Vì Thị Thu H1** phải chịu án phí dân sự có có giá ngạch đối với số tiền 1.427.291.000đ là 54.818.730đ.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466 và khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **V Thị Thu H1** phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.427.291.000đ (Một tỉ bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng) cho bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Công T**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà **Vì Thị Thu H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.818.730đ. (Năm mươi tư triệu tám trăm mười tám nghìn bảy trăm ba mươi đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Bà **Nguyễn Thị L** được hoàn lại số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001006 ngày 23/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**